

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH NHẪM ĐỔI MỚI CĂN BẢN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC Ở NƯỚC TA

ThS. NGUYỄN VĂN LƯỢNG*

1. Khái quát kết quả và hạn chế của giáo dục và đào tạo trong thời gian vừa qua

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về giáo dục, đào tạo (GDĐT), Hội nghị Trung ương 6 khoá XI đánh giá: “Quy mô giáo dục và mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo có bước phát triển nhanh; hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học và sau đại học. Cơ sở trường, lớp từng bước được chuẩn hoá, hiện đại hoá. Chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo có tiến bộ. Công tác quản lý giáo dục có chuyển biến tích cực. Hợp tác quốc tế được mở rộng. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ngày càng tốt hơn. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng về số lượng, từng bước được nâng cao về chất lượng”¹.

Những kết quả, thành tựu nổi bật của giáo dục đại học sau gần 30 năm đổi mới đã cung cấp hàng triệu nhân lực có trình độ cao đẳng, đại học, hàng vạn lao động có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ cho đất nước. Đây là lực lượng chủ lực, nòng cốt của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước, của phát triển đất nước trong

thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế; năng lực đào tạo hiện nay tăng hơn ba lần so với thời điểm năm 1987; quy mô đào tạo tăng gần 13 lần (1,7 triệu sinh viên so với 133.136 sinh viên); hệ thống cơ sở đào tạo đại học đã phủ gần kín cả nước (62/63 tỉnh, thành phố đã có đại học hoặc cao đẳng)²; bắt đầu hình thành hệ thống quản lý chất lượng giáo dục đại học trong cả nước và cơ chế nhà nước, nhà trường và người dân giám sát chất lượng giáo dục và đầu tư cho giáo dục.

Tuy nhiên, chất lượng giáo dục, đặc biệt chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng mong muốn và kỳ vọng của nhân dân cũng như yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển số lượng với yêu cầu nâng cao chất lượng; năng lực nghề nghiệp của học sinh, sinh viên tốt nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc; có biểu hiện lệch lạc về hành vi, lối sống trong một bộ phận học sinh, sinh viên. Báo cáo số 343/BC-BGDĐT ngày 21/3/2013 của Bộ GDĐT chỉ rõ: “chất lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

còn nhiều hạn chế, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ và hoạt động xã hội của sinh viên còn chưa đáp ứng tốt yêu cầu của người sử dụng lao động³.

Quản lý giáo dục vẫn còn nhiều bất cập, còn mang tính bao cấp, ôm đồm, sự vụ và chông chéo, phân tán; trách nhiệm và quyền hạn quản lý chuyên môn chưa đi đôi với trách nhiệm, quyền hạn quản lý về nhân sự và tài chính. Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục chưa được quy định đầy đủ, sát thực; một bộ phận nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới. Nội dung chương trình còn nặng về lý thuyết, phương pháp dạy học lạc hậu, chưa phù hợp với đặc thù khác nhau của các loại hình cơ sở giáo dục, vùng, miền và các đối tượng người học; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu xã hội; chưa chú trọng giáo dục kỹ năng sống, phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên⁴...

Bên cạnh đó, vẫn còn một số cơ sở đào tạo vi phạm các quy định của pháp luật về tuyển sinh, không đảm bảo các nguồn lực cần thiết để mở mã ngành đào tạo. Qua thanh tra 24 trường đại học, cao đẳng năm 2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo phản ánh hầu hết các trường chưa thực hiện được cam kết các điều kiện thành lập trường. Có trường chưa định hình được hướng phát triển (Trường Đại học Hà Hoa Tiên); có 10/24 trường, có dưới 100 giảng viên cơ hữu (GVCH) và hợp đồng dài hạn (HDDH), đặc biệt có ba trường có số GVCH chưa đến 60 người (Trường Đại học Nguyễn Trãi có 55 GVCH và HDDH, Trường Đại học Văn Hiến: 52

GVCH và HDDH, Trường Đại học Hà Hoa Tiên: 59 GVCH và HDDH); tỷ lệ sinh viên/GVCH và HDDH của nhiều trường còn cao, có sáu trường có trên 50 sinh viên/GVCH và HDDH (Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Đông Đô, Trường Đại học Tài chính-Marketing, Trường Đại học Văn Hiến, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng); hai trường có trên 80 sinh viên/GVCH và HDDH (Trường Đại học Văn Hiến và Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. Hồ Chí Minh). Nếu tính cả số sinh viên hệ vừa làm vừa học, học sinh trung cấp chuyên nghiệp ở các trường đại học thì tỷ lệ này còn cao hơn nữa. Một số trường công lập tuyển sinh vượt quá quy mô cam kết (Trường Đại học Kinh tế - Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên vượt 126% cam kết); vừa tuyển sinh đại học, vừa tuyển sinh cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề (Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội), trong khi đó, một số trường tư thục có xu hướng tuyển sinh ngày càng ít đi (Trường Đại học Hoà Bình, Trường Đại học Chu Văn An, Trường Đại học Nguyễn Trãi, đặc biệt Trường Đại học Hà Hoa Tiên chỉ đạt 4,2% cam kết); 41 ngành không có tiến sỹ, 12 ngành không có tiến sỹ và thạc sỹ, thậm chí có ngành chưa có GVCH. Nhiều giảng viên chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Một số trường chưa xây dựng được cơ sở vật chất độc lập.

Qua kiểm tra, năm 2010, Bộ GDĐT đã tạm ngừng tuyển sinh hai trường đại học và 101 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sỹ. Năm học 2011 - 2012, đã dừng tuyển sinh bốn trường đại học, cao đẳng, dừng tuyển sinh 24 ngành và

thu hồi quyết định cho phép đào tạo 5 ngành trình độ đại học của các trường khác do không đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng; đình chỉ tuyển sinh đối với 161 chuyên ngành đào tạo thạc sỹ do không đáp ứng các điều kiện về chất lượng như cam kết; quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 12 cơ sở tổ chức đào tạo chương trình nước ngoài trái phép trên lãnh thổ Việt Nam, buộc các cơ sở này dừng hoạt động tuyển sinh, đào tạo và đưa ra biện pháp giải quyết, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người học. Cuối năm 2012, Bộ đã kiến nghị xem xét xử lý kỷ luật 8 hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng công lập do tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh vượt năng lực thực tế hoặc tuyển sinh vượt chỉ tiêu, cảnh báo 9 trường đại học, cao đẳng ngoài công lập vi phạm quy định tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh và đề nghị UBND cấp tỉnh theo dõi, huỷ bỏ việc công nhận hiệu trưởng các trường này nếu tiếp tục tái phạm. Tháng 3/2013, Bộ đã thu hồi quyết định cho phép đào tạo 57 ngành trình độ tiến sỹ do không đáp ứng các điều kiện về chất lượng và tuân thủ chế độ báo cáo⁵.

2. Một số giải pháp nhằm đổi mới cơ bản GDĐT đại học ở nước ta hiện nay

Để tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được và khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trên về GDĐT cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển GDĐT. Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, xuyên suốt từ khâu quán triệt đến tổ chức thực hiện chủ trương phát triển giáo dục của Đảng; từ quan điểm, chương trình (mục

tiêu, nội dung, phương pháp) đến cơ cấu hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới. Đổi mới tư duy phải được quán triệt trong các hoạt động giáo dục.

Để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nước ta, các cấp uỷ coi trọng tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về chuyển mạnh từ nền giáo dục chủ yếu là truyền thụ kiến thức một chiều sang giáo dục tương tác giữa người dạy và người học, giữa nhà trường và xã hội nhằm hình thành nhân cách và phát triển năng lực người học; chuyển nền giáo dục phát triển chủ yếu dựa trên quy mô, số lượng sang nền giáo dục chủ yếu phát triển theo chất lượng. Chuyển từ đào tạo theo khả năng của các cơ sở giáo dục sang đào tạo theo nhu cầu xã hội; chuyển từ nền giáo dục “đóng”, “khép kín” cứng nhắc trong khái niệm về trường, lớp, chương trình, nội dung, thời gian học... sang nền giáo dục mở, học tập suốt đời, gắn với xây dựng xã hội học tập.

- Không ngừng đổi mới nội dung đào tạo: nội dung giáo dục chú trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc, là nền tảng để phát triển tài năng và sử dụng tài năng đáp ứng yêu cầu của cách mạng. Giáo dục đạo đức là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng ở các bậc giáo dục, đào tạo. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng, đó là cái gốc rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng”⁶. Khi đất nước còn chiến tranh nhưng với tầm nhìn của nhà kiến trúc sư, Người đã dự báo: “Tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi,

công việc của chúng ta nhiều và mới, kỹ thuật của thế giới ngày càng tiến bộ, nhưng sự hiểu biết của chúng ta có hạn. Muốn tiến kịp với sự biến đổi vô cùng tận thì chúng ta phải nghiên cứu học tập. Nghiên cứu học tập lý luận và kỹ thuật”⁷. Coi trọng việc kết hợp các hình thức giáo dục, không tuyệt đối hoá bất cứ một hình thức giáo dục nào: “Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”⁸.

Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo theo hướng đổi mới chương trình, tài liệu dạy học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học dựa trên nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, vận dụng có chọn lọc một số chương trình tiên tiến trên thế giới, phát huy vai trò của các trường trọng điểm trong từng khối ngành, nghề đào tạo để thiết kế các chương trình liên thông. Phát triển các chương trình đào tạo đại học theo hai hướng: nghiên cứu và nghề nghiệp ứng dụng.

- Giáo dục muốn đạt hiệu quả đòi hỏi phải có phương pháp giáo dục phù hợp với từng cấp học, ngành học khác nhau: “Đối với bậc đại học, cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp thực tiễn ở nước ta để thiết thực giúp ích cho công việc xây dựng nước nhà... bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế”⁹. Do đó, mỗi người dạy phải không ngừng đổi mới tư duy, đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao hiệu quả của mỗi bài giảng. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng tập trung dạy cách học và tự học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận

dụng kiến thức của người học. Rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm. Đồng thời, giảng viên luôn phải là tấm gương sáng cho người học noi theo, làm theo “Mình phải làm gương... Làm gương về cả ba mặt: tinh thần, vật chất và văn hoá”¹⁰.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của các cô giáo, thầy giáo đối với xã hội: “Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh. Đây là một điều rất vẻ vang”¹¹.

Chuẩn hoá trong tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo để làm gương cho học sinh, sinh viên. Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để đến năm 2020, 60% giảng viên cao đẳng và 100% giảng viên đại học đạt trình độ thạc sỹ trở lên; 100% giảng viên đại học và cao đẳng sử dụng thành thạo một ngoại ngữ¹².

- Xây dựng khung pháp lý, cơ chế đánh giá chất lượng giáo dục. Đổi mới quản lý quá trình dạy và học theo mô hình quản lý chất lượng đầu ra. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện thống nhất đầu mối quan hệ và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục. Thực hiện đồng bộ phân

(Xem tiếp trang 32).

dựng gia đình văn hoá là một đặc thù của Việt Nam. Cần lưu ý, trong *Luật Nhân quyền quốc tế*, vấn đề gia đình và hôn nhân thuộc các quyền dân sự và được chế định trong *Công ước về các quyền dân sự, chính trị* (năm 1966) mà Việt Nam là một thành viên ký kết (ngày 24/9/1982). Cách chế định này không sai, nhưng cần chú ý Điều 39 (sửa đổi, bổ sung Điều 64) và khoản 2 Điều 62 (sửa đổi, bổ sung Điều 39, Điều 40), trong bản Dự thảo này cũng đã có chế định về gia đình...

4. Những kiến nghị

Một là, nên nghiên cứu tập trung chế định về gia đình ở một điều hoặc ở Điều 39 của Chương II. Đồng thời, cần viết gọn lại Điều 64, 66 và 67 của Chương III Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992.

- Hai là, để bảo đảm sự bình đẳng giữa các quyền hiến định và luật định, nên có một khoản, tốt nhất là một điều ở Chương II, quy định về sự bình đẳng giữa các quyền hiến định và luật định, trong đó có quyền văn hoá.

Ba là, trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, có nhiều điều ràng buộc các quyền hiến định "theo", do đó, mang ý nghĩa thấp hơn "quy định của pháp luật". Vì vậy, nên thay chữ "theo" bằng chữ "do" hay chữ "bằng" □

Tài liệu tham khảo:

1. Đại học quốc gia Hà Nội. *Quyền con người - Tập hợp tài liệu chuyên đề của Liên hợp quốc* (sách tham khảo), H. NXB Công an nhân dân, 2010, tr. 284 - 287.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 17)

cấp quản lý, hoàn thiện và triển khai cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân □

Chú thích:

1. Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về Đề án "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

2. Sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học, các giải pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo/Báo cáo 760/BC-BGDĐT ngày 29/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3, 5. Một số vấn đề về giáo dục và đào tạo/Báo cáo số 343/BC-BGDĐT ngày 21/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4, 12. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 6. H. NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 329.

7. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 7. H. NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 392.

8, 9. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 8. H. NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 394, tr. 81.

10. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 4. H. NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 150.

11. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 11. H. NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 331.